

Số:103/2018/QĐST-HNGĐ

Cẩm Giàng, ngày 04 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 45/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1984

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1986.

ĐKHKT: Thôn 3, xã CS, huyện CG, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1947 và bà Định Thị H, sinh năm 1947.

Đều có địa chỉ: Thôn 1, xã CS, huyện CG, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1947.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về tài sản chung:

- Anh N, chị Ng xác định có khối tài sản chung tổng trị giá 1.019.814.000đ bao gồm:

+ Diện tích 90,0m² đất ở thuộc thửa 336, tờ bản đồ 01, thôn 3, tại xã CS, huyện CG, tỉnh Hải Dương trị giá 387.000.000đ.

- + Nhà 2 tầng xây dựng năm 2015, kết cấu tường chịu lực, móng băng, diện tích 2 sàn 147m² trị giá 595.350.000đ;
- + Phần tôn lạnh và tôn thường lợp ngoài cửa tầng 1 có giá trị 6.440.000đ;
- + Một nền lát gạch đỏ phía trước nhà tầng 1 diện tích 21,9m² trị giá 2.365.000đ;
- + Phần lợp mái tôn và rèm tôn tầng 2 diện tích 24,6m² trị giá 8.496.000đ;
- + Phần rào sắt của sân phơi trên tầng 2 diện tích 21,8m² trị giá 2.964.000đ;
- + Rào sắt B40 trước cửa tầng 1 có tổng diện tích là 14,7m² trị giá 1.999.000đ;
- + 01 cửa cuốn có mô tơ tự động bằng điện trị giá 15.200.000đ;

*** Giao cho anh Nguyễn Hữu N được sử dụng, sở hữu tài sản bằng hiện vật tổng trị giá 1.019.814.000đ bao gồm:** Diện tích 90m² đất ở tại nông thôn, thuộc thửa số 336, tờ bản đồ số 01; địa chỉ: thôn 3, xã CS, huyện CG, tỉnh Hải Dương đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Hữu N và chị Phạm Thị Ng, trị giá (387.000.000đ); nhà 2 tầng (595.350.000đ); phần tôn lạnh và tôn thường lợp ngoài cửa tầng 1 (6.440.000đ); nền lát gạch đỏ phía trước nhà tầng 1 diện tích 21,9m² (2.365.000đ); phần lợp mái tôn và rèm tôn tầng 2 (8.496.000đ); phần rào sắt của sân phơi trên tầng 2 (2.964.000đ); rào sắt B40 trước cửa tầng 1 (1.999.000đ); 01 cửa cuốn có mô tơ tự động bằng điện (15.200.000đ).

(có sơ đồ kèm theo)

Anh Nguyễn Hữu N có trách nhiệm đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp cấp có thẩm quyền yêu cầu phải có chữ ký của chị Phạm Thị Ng thì chị Ng phải có trách nhiệm ký kết để anh N hoàn thiện thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Hữu N tự nguyện trả chênh lệch tài sản bằng tiền cho chị Phạm Thị Ng số tiền 500.000.000đ. **Chị Phạm Thị Ng được hưởng trị giá tài sản chung 500.000.000đ**(Năm trăm triệu đồng);

Anh N đã giao đủ số tiền trên cho chị Ng nhận vào ngày 04/6/2018 **(có biên bản giao nhận tiền kèm theo).**

- Sau khi trả nợ cho ông D, bà H số tiền 226.000.000đ và trả chênh lệch tài sản bằng tiền cho chị Ng số tiền 500.000.000đ. **Anh N được hưởng tài sản**

chung trị giá 293.814.000đ (Hai trăm chín mươi ba triệu tám trăm mười bốn nghìn đồng).

2.2 Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị Phạm Thị Ng về chia tài sản chung trị giá 695.000.000đ (Sáu trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn) gồm: 01 (một) xe ô tô CheVolet màu đen BKS 34A- 158.28, đăng ký mang tên anh Nguyễn Hữu N (600.000.000đ); 01 Máy tính xách tay Sam Sung màu trắng (20.000.000đ); 02 bình rượu sâm (20.000.000đ); 01 bình rượu Anh túc(10.000.000đ); 01 bình rượu rắn hổ chúa (15.000.000đ); 01 bình rượu kỳ đà (10.000.000đ); 01 bình Linh chi và nhung hươu(10.000.000đ);01 bình rượu bìm bịp(10.000.000đ);

(Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết lại phần tài sản chung trên theo quy định của pháp luật).

2.3 Về nợ chung: Anh Nguyễn Hữu N có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1947 và bà Đinh Thị H, sinh năm 1947, địa chỉ: Thôn 1, xã CS, huyện CG, tỉnh Hải Dương. số tiền 226.000.000đ (Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. 4 Về án phí:

- Anh Nguyễn Hữu N chịu 7.345.000đ án phí chia tài sản và 1.412.500đ án phí trả nợ. Tổng cộng án phí anh N phải chịu 8.757.500đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 14.200.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002019 ngày 08/3/2018, hoàn trả anh N số tiền 5.442.500đ (Năm triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Chị Phạm Thị Ng chịu 12.000.000đ án phí chia tài sản và 1.412.500đ án phí trả nợ. Tổng cộng án phí chị Ng phải chịu là 13.412.500đ nhưng được trừ vào số tiền 8.687.500đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002033 ngày 23/3/2018, chị Ng phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.725.000đ(Bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Hữu D và bà Đinh Thị H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng;
- THA Dân sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN